

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngàytháng năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2023./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách đặc thù hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Kèm theo Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của tỉnh còn hiệu lực. Trường hợp các văn bản có cùng nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. UBND các xã, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh;

2. Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Chương II

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO
VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Điều 3. Chính sách hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng

a) Đối tượng hỗ trợ: Các Ban quản lý rừng đặc dụng; cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được các Ban quản lý rừng đặc dụng giao khoán để bảo vệ rừng đặc dụng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối với những diện tích rừng đặc dụng được giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý dự kiến giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm. Chủ rừng được sử dụng kinh phí này để thực hiện khoán bảo vệ rừng theo định mức, cơ chế, chính sách đối với các khu vực tương ứng.

3. Mức hỗ trợ: 95.000 đồng/ha/năm.

4. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ kinh phí cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng

1. Đối tượng hỗ trợ: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng.

2. Điều kiện hỗ trợ: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, để thực hiện các nhiệm vụ theo Điều 14, Nghị định 01/2019/NĐ-CP. Hỗ trợ một số chế độ phụ cấp tuần tra, kiểm tra rừng, mua sắm trang phục cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

3. Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ kinh phí giao đất, giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

1. Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

2. Điều kiện hỗ trợ: Các cộng đồng dân cư, các hộ gia đình, cá nhân thường trú tại địa phương được giao đất, giao rừng tự nhiên do UBND xã quản lý.

3. Mức hỗ trợ: 1.332.000 đồng/ha

Trong đó:

- Hỗ trợ kinh phí giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 870.000.000 đồng/năm

- Hỗ trợ kinh phí giao đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 462.000.000 đồng/năm

4. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh 70%, từ ngân sách huyện 30%

Điều 6. Quy định hỗ trợ kinh phí cho các tổ chốt chặn bảo vệ rừng

1. Đối tượng hỗ trợ: Lực lượng tham gia các tổ chốt chặn bảo vệ rừng được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Điều kiện hỗ trợ: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Nghị định 01/2019/NĐ-CP và các lực lượng khác được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày.

4. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí hợp pháp của chủ rừng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Hàng năm ngân sách tỉnh cân đối bố trí tối thiểu 3,87 tỷ đồng để thực hiện các chính sách này.

2. Đối với chính sách hỗ trợ kinh phí giao đất, giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, hàng năm UBND các huyện, thành phố, thị xã cân đối bố trí ngân sách cấp huyện đối ứng theo tỷ lệ ngân sách tỉnh 70%, ngân sách huyện 30% để thực hiện chính sách đảm bảo mục tiêu đề ra.

3. Các chủ rừng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án; nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân./.